

Số: /TM-TTYT

Cao Lộc, ngày 04 tháng 04 năm 2025

V/v Mời báo giá hóa chất huyết học,  
điện giải, sinh hóa, vật tư xét nghiệm  
phục vụ công tác chuyên môn

**THƯ MỜI CHÀO GIÁ**

Hiện nay Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc đang chuẩn bị thực hiện mua hóa chất huyết học, điện giải, sinh hóa, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn. Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc kính mời các đơn vị có đủ năng lực thực hiện cung cấp báo giá hóa chất huyết học, điện giải, sinh hóa, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn gửi bản báo giá để đơn vị tham khảo xây dựng dự toán và kế hoạch mua sắm.

**Phạm vi cung cấp:**

Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật theo Luật đấu thầu số 22/2023/QH15, Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 và Nghị định số 24/NĐ-CP. Nhà thầu chào các danh mục, số lượng hàng hóa được nêu trong danh mục phạm vi cung cấp này và các tài liệu chứng minh nguồn gốc hàng hóa rõ ràng. Kính mời Quý Công ty quan tâm vui lòng chào giá với các danh mục, số lượng như sau: *(Theo các phụ lục 1, 2, 3, 4, đính kèm)*

Việc nộp báo giá có thể thực hiện theo hình thức gửi trực tiếp, qua đường bưu điện, thư điện tử (email: Dclsyttecaoloc@gmail.com) hoặc bằng Fax.

Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 04 tháng 04 năm 2025 đến 15h ngày 14 tháng 04 năm 2025.

Thời hạn có hiệu lực báo giá tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 14 tháng 04 năm 2025.

Nơi nhận báo giá đề xuất: Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc khối 6 thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Điện thoại: 02053.861.862.

Vậy trân trọng kính mời các quý công ty./.

**Nơi nhận:**

- Website đơn vị;
- Lãnh đạo TTYT;
- Lưu: HSĐT, VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Chu Đình Quế**

( Kèm theo Thư mời số / TM-TTYT, ngày 04/04/2025 của Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc )

[illegible]

## PHỤ LỤC 2 : DANH MỤC HÓA CHẤT MÁY ĐIỆN GIẢI

( Kèm theo Thư mời số      / TM-TTYT, ngày 04/04/2025 của Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc )

| STT | Tên hàng hóa mời thầu   | Tên thương mại | Phân nhóm (nếu có) | Chủng loại (model) / Mã sản phẩm | Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu | Năm sản xuất | Nước sản xuất | Hãng sản xuất | Hãng/ nướ c chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (đã có VAT ) | Thành tiền (VN Đ) | Thông số kỹ thuật, đặc tính | Tiêu chuẩn chất lượng |
|-----|-------------------------|----------------|--------------------|----------------------------------|-----------------------------------------|--------------|---------------|---------------|------------------------|-------------------|-------------|----------|----------------------|-------------------|-----------------------------|-----------------------|
| 1   | Dung dịch điện giải     |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Hộp         | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 2   | Dung dịch ngâm điện cực |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Hộp         | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 3   | Dung dịch rửa điện giải |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Hộp         | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 4   | Điện cực Na +           |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Cái         | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 5   | Điện cực K +            |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Cái         | 1        |                      |                   |                             |                       |

|                      |                       |  |  |  |  |  |  |  |  |  |     |   |  |  |  |  |
|----------------------|-----------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|-----|---|--|--|--|--|
| 6                    | Điện cực Cl -         |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Cái | 1 |  |  |  |  |
| 7                    | Dung dịch chuẩn 2 mức |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Bộ  | 1 |  |  |  |  |
| 8                    | Điện cực quy chiếu    |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Cái | 1 |  |  |  |  |
| 9                    | Dây bơm máy điện giải |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Bộ  | 1 |  |  |  |  |
| <b>Tổng 09 khoản</b> |                       |  |  |  |  |  |  |  |  |  |     |   |  |  |  |  |

PHỤ LỤC 3 : DANH MỤC HÓA CHẤT SINH HÓA

( Kèm theo Thư mời số / TM-TTYT, ngày 04/04/2025 của Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc )

| STT | Tên hàng hóa mời thầu                   | Tên thương mại | Phân nhóm (nếu có) | Chủng loại (model) / Mã sản phẩm | Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu | Năm sản xuất | Nước sản xuất | Hãng sản xuất | Hãng/ nướ c chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (đã có VAT ) | Thành tiền (VN Đ) | Thông số kỹ thuật, đặc tính | Tiêu chuẩn chất lượng |
|-----|-----------------------------------------|----------------|--------------------|----------------------------------|-----------------------------------------|--------------|---------------|---------------|------------------------|-------------------|-------------|----------|----------------------|-------------------|-----------------------------|-----------------------|
| 1   | Hóa chất định lượng Albumin             |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Hộp         | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 2   | Hóa chất định lượng Amylase             |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Hộp         | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 3   | Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Hộp         | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 4   | Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Hộp         | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 5   | Hóa chất định lượng Calcium             |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Hộp         | 1        |                      |                   |                             |                       |

|    |                                            |  |  |  |  |  |  |  |  |  |     |   |  |  |  |  |
|----|--------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|-----|---|--|--|--|--|
| 6  | Hóa chất định lượng Cholesterol            |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 7  | Hóa chất định lượng HDL-Cholesterol        |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 8  | Hóa chất định lượng CK-NAC                 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 9  | Hóa chất định lượng CK-MB                  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 10 | Huyết thanh kiểm tra CK-MB mức bình thường |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Lọ  | 1 |  |  |  |  |
| 11 | Huyết thanh kiểm tra CK-MB mức cao         |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Lọ  | 1 |  |  |  |  |
| 12 | Chất chuẩn CK-MB                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Lọ  | 1 |  |  |  |  |

|    |                                |  |  |  |  |  |  |  |  |  |     |   |  |  |  |  |
|----|--------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|-----|---|--|--|--|--|
| 13 | Hóa chất định lượng Creatinine |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 14 | Hóa chất định lượng Glucose    |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 15 | Hóa chất định lượng GOT (AST)  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 16 | Hóa chất định lượng GPT (ALT)  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 17 | Hóa chất định lượng GGT        |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 18 | Hóa chất định lượng Ferritin   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 19 | Bộ hiệu chuẩn Ferritin         |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |

|    |                                      |  |  |  |  |  |  |  |  |  |     |   |  |  |  |  |
|----|--------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|-----|---|--|--|--|--|
| 20 | Hóa chất định lượng Iron             |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 21 | Hóa chất định lượng Protein          |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 22 | Hóa chất định lượng Triglycerides    |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 23 | Hóa chất định lượng Urea             |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 24 | Huyết thanh kiểm tra mức bình thường |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Lọ  | 1 |  |  |  |  |
| 25 | Huyết thanh kiểm tra mức cao         |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Lọ  | 1 |  |  |  |  |
| 26 | Chất hiệu chuẩn                      |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Lọ  | 1 |  |  |  |  |



|    |                                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |     |   |  |  |  |  |
|----|-----------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|-----|---|--|--|--|--|
| 27 | Dung dịch rửa<br>hệ thống cho<br>máy AU |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Can | 1 |  |  |  |  |
| 28 | Hóa chất định<br>lượng CRP              |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 29 | Huyết thanh<br>kiểm tra CRP<br>mức thấp |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Lọ  | 1 |  |  |  |  |
| 30 | Huyết thanh<br>kiểm tra CRP<br>mức cao  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Lọ  | 1 |  |  |  |  |
| 31 | Bộ hiệu chuẩn<br>CRP                    |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |
| 32 | Bóng đèn<br>Halogen máy<br>hóa sinh     |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Cái | 1 |  |  |  |  |
| 33 | Hóa chất định<br>lượng Acid<br>Uric     |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp | 1 |  |  |  |  |

[illegible]

## PHỤ LỤC 4 : DANH MỤC VẬT TƯ XÉT NGHIỆM

( Kèm theo Thư mời số        / TM-TTYT, ngày 04/04/2025 của Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc )

| STT | Tên hàng hóa mời thầu            | Tên thương mại | Phân nhóm (nếu có) | Chủng loại (model) / Mã sản phẩm | Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu | Năm sản xuất | Nước sản xuất | Hãng sản xuất | Hãng/ nướ c chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (đã có VAT ) | Thành tiền (VN Đ) | Thông số kỹ thuật, đặc tính | Tiêu chuẩn chất lượng |
|-----|----------------------------------|----------------|--------------------|----------------------------------|-----------------------------------------|--------------|---------------|---------------|------------------------|-------------------|-------------|----------|----------------------|-------------------|-----------------------------|-----------------------|
| 1   | Tím Gentians                     |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Lọ          | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 2   | Alcohol 95 độ                    |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Lọ          | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 3   | Lugol                            |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Lọ          | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 4   | Fucshin kiềm                     |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Lọ          | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 5   | Định nhóm máu ABO                |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Bộ          | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 6   | Định nhóm Rh+                    |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Bộ          | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 7   | Test thử nước tiểu Mission U 120 |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Hộp         | 1        |                      |                   |                             |                       |
| 8   | Test Ma túy 5 chân               |                |                    |                                  |                                         |              |               |               |                        |                   | Hộp         | 1        |                      |                   |                             |                       |

|    |                                       |  |  |  |  |  |  |  |  |  |      |   |  |  |  |  |
|----|---------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|------|---|--|--|--|--|
| 9  | Test nhanh<br>chẩn đoán<br>viêm gan B |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Test | 1 |  |  |  |  |
| 10 | Test nhanh<br>chẩn đoán<br>HIV        |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Test | 1 |  |  |  |  |
| 11 | Test nhanh<br>chẩn đoán<br>viêm gan C |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Test | 1 |  |  |  |  |
| 12 | Test thử<br>đường huyết               |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Test | 1 |  |  |  |  |
| 13 | Test HbA1C                            |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Test | 1 |  |  |  |  |
| 14 | Kim chích<br>máu                      |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp  | 1 |  |  |  |  |
| 15 | Lam kính đầu<br>mò                    |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp  | 1 |  |  |  |  |
| 16 | Lam kính<br>thường                    |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Hộp  | 1 |  |  |  |  |
| 17 | Ống nghiệm<br>Heparin                 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ống  | 1 |  |  |  |  |
| 18 | Ống nghiệm<br>EDTA                    |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ống  | 1 |  |  |  |  |
| 19 | Đầu cân vàng                          |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Cái  | 1 |  |  |  |  |
| 20 | Ống đựng<br>nước tiểu                 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Cái  | 1 |  |  |  |  |
| 21 | Test<br>Morphine                      |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Test | 1 |  |  |  |  |

[illegible]